



wú dú
无毒

adjective · non-toxic; harmless

Example Sentences

Zhè zhǒng yán liào shì wú dú de
这种颜料是无毒的。

This type of paint is non-toxic.

Ér tóng wán jù bì xū shǐ yòng wú dú cái liào
儿童玩具必须使用无毒材料。

Children's toys must use non-toxic materials.

Trace each character, then write the word on your own.

无	无	无	无	无	无	无														
毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒	毒									
毒																				